

### Phụ lục 3

## TỔNG HỢP ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG CỦA UBND TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUB ngày / /2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
<b>TỔNG ĐIỂM (A+B)</b>	<b>100</b>	<b>33</b>	
<b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>	<b>20</b>	<b>11</b>	
<b>A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	Không thuộc nhiệm vụ của VP
A.1.1. Triển khai thực hiện các văn bản năm 2025 của các cơ quan ở TW về PCTN	1	0	
A.1.1.1. Triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	0,2	0	
A.1.1.2. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 11/10/2023 về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030.	0,2	0	
A.1.1.3. Triển khai thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 26/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.	0,2	0	
A.1.1.4. Triển khai thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực và PCTNTC trong hoạt động kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Văn bản số 626/TTg-V.I ngày 16/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ	0,2	0	

<b>NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>A.1.1.5. Triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTNTC trong công tác xây dựng pháp luật; Văn bản số 5779/VPCP-PL ngày 14/8/2024 của Văn phòng Chính phủ</i>	0,2	0	
A.1.2. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2025	1	0	
A.1.3. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2025	3	0	
<i>A.1.3.1. Về thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN</i>	0,5	0	
<i>A.1.3.2. Về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN</i>	0,5	0	
<i>A.1.3.3. Về xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN</i>	0,5	0	
<i>A.1.3.4. Về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN</i>	0,5	0	
<i>A.1.3.5. Về kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN</i>	0,5	0	
<i>A.1.3.6. Về kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN năm 2025</i>	0,5	0	
<b>A.2. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh</b>	<b>15</b>	<b>11</b>	
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	4	4	
<i>A.2.1.1. Ban hành kế hoạch</i>	1	1	
<i>A.2.1.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3	
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN	4	4	
<i>A.2.2.1. Ban hành kế hoạch</i>	1	1	
<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>	3	3	

<b>NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Ghi chú</b>
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	1	1	
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	3	0	Không thuộc nhiệm vụ của Văn phòng
A.2.5. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	2	2	
A.2.6. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng	1	0	Không thuộc nhiệm vụ của Văn phòng
<b>B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>	<b>30</b>	<b>22</b>	
<b>B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b>	<b>27</b>	<b>22</b>	
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	6	6	
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>	2	2	
<i>B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn</i>	1	1	
<i>B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	1	1	
<i>B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước</i>	1	1	
<i>B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công</i>	1	1	
B.1.2. Kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR 2025)	1	1	
B.1.3. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh năm 2025	1	1	
B.1.4. Kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	2	
<i>B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i>	1	1	
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>	1	1	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	3	2	
<i>B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện</i>	1	1	
<i>B.1.6.2. Kết quả thực hiện</i>	1	1	
<i>B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI</i>	1	0	Không có trường hợp phải xử lý
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	2	2	
<i>B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch</i>	1	1	
<i>B.1.7.2. Kết quả thực hiện</i>	1	1	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1	
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	4	
<i>B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.</i>	1	1	
<i>B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN</i>	1	1	
<i>B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN</i>	1	1	
<i>B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN</i>	2	0	Không có trường hợp phải xác minh

<b>NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Ghi chú</b>
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	5	1	
<i>B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10</i>	1	1	
<i>B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....</i>	1	0	Không có kiến nghị, phản ánh
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>	3	0	Không có kiến nghị phải xử lý
<b>B.2. Phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	Không thuộc nhiệm vụ của Văn phòng
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	0	
B.2.2. Kết quả thực hiện phòng ngừa tham nhũng của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	2	0	
<b>C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	Không có vụ việc phải xử lý
<b>C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát	3	0	
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	2	0	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	7	0	
<b>C.2. Việc xử lý tham nhũng</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	0	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Ghi chú
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	2,5	0	
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN</i>	2,5	0	
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7,5	0	
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	2,5	0	
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	2,5	0	
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	2,5	0	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7,5	0	
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	2,5	0	
<i>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</i>	2,5	0	
<i>C.2.3.3. Hình thức cách chức</i>	2,5		
<b>C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	Không có vụ việc vi phạm
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	

<b>NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b>	<b>Thang điểm</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Ghi chú</b>
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)	1	0	
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0	
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	0	
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	1	0	
<b>D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	Không có vụ việc
<b>D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>	<b>5</b>	0	
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	0	
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	0	
<b>D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2,5	0	
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2,5	0	
<b>Đ. ĐIỂM TRỪ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025</b>	<b>-10</b>	<b>0</b>	Không có nội dung
ĐT.1. Việc chậm nộp báo cáo tự đánh giá công tác PCTN năm 2025	-2	0	
ĐT.2. Tổ chức cấp tỉnh bị kỷ luật do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	-4	0	
ĐT.3. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cấp tỉnh bị xử lý do để xảy ra tham nhũng, tiêu cực năm 2025	-4	0	

**Phụ lục 5**

**DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPUB ngày / /2026 của Văn phòng UBND tỉnh)

<b>NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ</b>	<b>TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN</b> (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	<b>SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN</b>
<b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
<b>A.2. Đánh giá việc các sở, ban, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh</b>		
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	Kế hoạch số 16/KH-VPUB ngày 18/01/2025	
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	Báo cáo số 1127/BC-VPUB ngày 31/12/2025	
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	Kế hoạch số 10/KH-VPUB ngày 16/01/2025	
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	Báo cáo số 932/BC-VPUB ngày 05/11/2025	
A.2.3. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	Kế hoạch số 15/KH-VPUB ngày 16/01/2025 về thực hiện công tác	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN ( <i>Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái</i> )	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
	theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025; Báo cáo số 938/BC-VPUB ngày 06/11/2025	
A.2.4. Tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân của Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp Tỉnh	Kế hoạch số 01/KH-VPUB ngày 02/01/2025; Báo cáo số 966/BC-VPUB ngày 16/11/2025	
<b>B. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b>		
<b>B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b>		
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018 trong một số lĩnh vực	Kế hoạch số 03/KH-VPUB ngày 07/01/2025; Kế hoạch số 28/KH-VPUB ngày 09/02/2025	
<i>B.1.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính</i>	Báo cáo số 1043/BC-VPUB ngày 08/12/2025	
<i>B.1.1.2. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn</i>	Quyết định số 50/QĐ-VPUB ngày 25/5/2023	
<i>B.1.1.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức</i>	Quyết định số 66/QĐ-VPUB ngày 17/7/2025; Quyết định số 89/QĐ/VPUB ngày 06/8/2025	
<i>B.1.1.4. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về ngân sách Nhà nước</i>	Báo cáo số 109/BC-VPUB ngày 13/02/2026	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
B.1.1.5. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài sản công	Báo cáo số 74/BC-VPUB ngày 30/01/2026	
B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn		
B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	Quyết định số 05/QĐ-VPUB ngày 04/01/2025; Quyết định số 06/QĐ-VPUB ngày 08/01/2025	
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	Báo cáo số 958/BC-VPUB ngày 11/11/2025	
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)		
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	Quyết định số 04/QĐ-VPUB ngày 07/01/2025	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	Báo cáo số 1009/BC-VPUB ngày 26/11/2025	
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI		
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	Kế hoạch số 18/QĐ-VPUB ngày 20/01/2025	
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	Báo cáo số 1077/BC-VPUB ngày 19/12/2025	
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	Quyết định số 50/QĐ-VPUB ngày 25/5/2023	

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	Kế hoạch số 72-KH/VPUB ngày 03/12/2025	
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	Báo cáo số 09/BC-VPUB ngày 06/01/2026	
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN		
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN		
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của TTg CP		
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg của TTg CP	Kế hoạch số 34/KH-VPUB ngày 04/4/2025	
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....		
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10/CT-TTg của TTg CP		
<b>C. ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>		
<b>C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>		
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát		
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo		
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra		
<b>C.2. Việc xử lý tham nhũng</b>		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN		
C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.		

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN		
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra		
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố		
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử		
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.		
C.2.3.1. Hình thức khiển trách		
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo		
C.2.3.3. Hình thức cách chức		
<b>C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b>		
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 - Điều 94 Luật PCTN)		

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN (Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)	SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP)		
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP)		
<b>D. ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG</b>		
<b>D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>		
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra		
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh		
<b>D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án</b>		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử		
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án		